T011 BD 2 (29) 160-Luận Bồ Tát Bản Sanh Man-Q13-Như Lai Đầy Đủ Trí Tuệ Không Gánh Việc Tốt Người Khác

Đại Tạng Kinh (Linh Sơn Pháp Bảo)

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN QUYỂN 13

Đức hạnh chân thật thiện tịnh như thế. Dứt tướng nhiễm buộc, đạt được an lạc. Thắng nghĩa bình đẳng cùng tột như vậy. Phát sinh bố thí tĩnh lặng trọn đủ. Tu nhân thắng nghĩa, lực dụng thù thắng. Dứt bỏ phiền não, diệu dụng tự tại. Tự tại khế hợp, tạo hạnh thâm diệu. Nhân tu rạng rỡ, thân tâm chẳng hoại. Hành theo Thập thiện, phiền não đều diệt. Tự tánh thanh tịnh, lực dụng năng giữ. Các pháp đúng phần, thuận theo tịch tĩnh. Vương giả dốc tu, đạo đức trùm khắp. Tu hạnh bố thí, lực dụng hòa hợp. Cứu cánh thiện tịnh (là) thấu đạt dứt ác. Năng hóa độ khắp, an lạc thảy được. Ngôn ngữ thanh tịnh gốc từ (bậc) vương giả. Phật pháp yên tĩnh, nghĩa lợi rõ ràng. Dẫn dạy trọn nên, lực dụng thuận hợp, thanh tịnh viên mãn. Hữu tình thù thắng, chấp ngã chẳng sinh. Vua khéo dẫn dạy. Tùy thuận như vậy, bất thoái hiện bày. Năng lực, sở học, giáo hóa hướng đạt. Thế nào là đạt được nhân thiện diệu? Tự tín, tu tập (đạt) cứu cánh Ba thừa. Trời ấy sân hận, chân thật cùng tụ. Lực dụng (của) chướng, nhiễm, tùy thuận tận cùng. Thế gian như vậy sinh khởi trói buộc. Trời (ở cõi) Dục, chúng sinh căn bản đều có. Thân tâm tịnh diệu nghĩa lợi khế hợp. Hữu tình thù thắng, như hạnh căn bản. Thắng nghĩa chân thật (là) phước đức vô biên. Thánh lực Như Lai ngọn nguồn viên mãn. Tạo tác chân thật, dứt trừ pháp ác. Bi nguyện trọn vẹn, vương giả giáo lệnh, vật dụng như vậy. Người, trời cung kính. Trí tuệ hiện bày. Phép tắc Thánh lực. Trí tuệ ấy làm thế nào phát khởi hướng đạt? Dốc tu như vậy trí tỏ chân thật. Bồ-tát hành thí, Tôn giả Trang Nghiêm hộ quốc bản sinh nghĩa thứ hai mươi bảy. Thanh tịnh chân thật dứt sạch tranh nhiễm. Rộng lớn tận cùng (là) tướng khổ, độc hiện. Đó là thấu đạt lời Bồ-tát dạy. Thế nào là hướng đạt dứt hết phiền não? Si mạn thuận hợp, tham dục mất nghĩa. Cứu cánh (của) hữu tình (là) tịch tĩnh cùng tận. Pháp tham, sân, si cội rễ (là) mê lầm. Từ gốc bất thiện, các mạn, phiền não duyên nhau mà sinh, nhận lấy bao thứ khổ não. Cội rễ "vô úy" là thắng nghĩa tận cùng. Tham, mạn (do) nhân duyên (tạo ra), tự tánh (vốn) chân thật. Chúng sinh tạo tác (tham, mạn) dứt bỏ, chẳng sinh. Các pháp thanh tịnh, sạch hết cấu nhiễm. Thấu rõ điên đảo độc hại, không dấy. Nhân của đói khát (là) báo của phiền não. Buông theo đảo điên (do) giới hạnh chưa nghiêm. Thấu đạt nghĩa lợi, dứt bỏ (điên đảo) chẳng sinh. Các mạn, phiền não, cùng buộc nhau dấy. Từ, nhẫn, bố thí, cứu cánh viên mãn. Không nhân mà đạt. Sắc tướng vốn không, tu "bất khả đắc". Hằng dứt dòng thác, hạnh nhẫn trọn nên. Thế gian vô thường. Giác tánh thông đạt. Tự tại diệu dụng, trí tuệ sáng tỏ. Xa lìa hình tướng, tĩnh lặng thành tựu. Tự thể tịch tĩnh, thanh tịnh hiện bày. Cung kính tối thượng, thông tỏ thù thắng. Đức hạnh từ, nhẫn (là) tận cùng giải thoát. Thân tâm (của) tự tánh, tướng bị hủy hoại. Nghiệp tạo cả đời, giới, nhẫn là trên hết, lực dụng giải thoát. Chủng tử thức tánh, thắng nghĩa chân thật, thuận hợp. Si độn, che buộc mênh mông đều dứt. Nơi tu thí ấy ngôn ngữ tịch tĩnh. Thế nào là lìa bỏ các pháp hữu học?

Là xứ rộng tu các pháp vô ngã. Tu tập các hạnh, không phân bỉ, thử. Hình tướng tối thượng (là) phước báo dưỡng nuôi. Như sen mới nở, hương thơm lan khắp. Thanh tịnh không nhiễu, bụi bặm thảy không. Khắp chốn trong nước dứt hẳn bạo lực. Diệt tướng kiêu mạn, hạnh chánh tận cùng. Vật dụng bình đẳng, bỉ thử không phân. Cõi ý biến chuyển (tạo) hình tướng chi phần. Tự tánh dứt mạn, nghĩa lợi hết lo. Tự tại phát sinh (như) chư Thiên, (các bậc) hữu học. Tịnh diệu không kiêu, phiền não chẳng sinh. Thông tỏ hình tướng. Ngôn ngữ tăng thêm. Thấu đạt thành thật. Cội rễ nghiệp dữ. Đủ sức gánh vác. Thế nào là thân tướng chân thật thông tỏ, tùy thuận biến chuyển, tu tập viên mãn? Là xứ quốc vương dốc lòng bố thí. Hành, giải gồm đủ, hình tướng dốc tu. Hý luận bình đẳng, hoạn nạn chuyển đổi. Trí tuệ tăng trưởng phát sinh dẫn dạy. Nơi chốn tịch tĩnh, hướng đạt chân thật. Năng lực khắp cõi, phép tắc phát huy. Bố thí tận cùng, tâm cảnh hòa hợp. Cung kính thiện thí, tăng trưởng viên mãn. Lực dụng vô tướng, tạo tác tiếp khởi. Hình tướng thù diệu, cõi nước gồm đủ. Hướng đạt tối thượng, hành giải học hỏi, dốc tu theo nhân rộng khắp. Cõi ấy không nhiễm, hành giải càng tăng. Tánh của Như Lai là tự tánh tịch mặc. Bình đẳng trang nghiêm, sạch tướng điên đảo. Thân tâm tối thượng, tịnh diệu tinh khiết. Dốc tu Thập thiện, phiền não chuyển đổi. Cõi ý đúng phần, thảy đều tịch tĩnh. Dòng thác phiền não, lìa bỏ từ gốc. Đi đứng trang nghiêm, ái lạc tịch tĩnh. Ba trí căn bản thù thắng, trong lành. Sắc tướng tự tại, lực dụng tu thí. Xứ sở dứt mạn, hành giải gồm đủ. Hình tướng căn bản phát sinh, chuyển đổi. Tăng trưởng hưởng đạt lìa bỏ tham ái. Hành đúng Thập thiện, dứt trừ cấu nhiễm. Nuôi dưỡng thuận hòa, diệt hết lo sợ. Chấp ngã lại sinh, kéo theo phiền não. Tu tập phát khởi, thanh tịnh tăng thêm. Tịch tĩnh phát sinh (là) phước đức chân thật. Dòng thác kết hợp (với) cội rễ điên đảo. Hình tướng phép tắc (là) thanh tịnh hiện bày. Các mạn như vậy (đã) hủy hoại tự tánh. Dốc tu thanh tịnh, đức hạnh xa lìa (các mạn). Thân tâm mẫu mực, chân thật phát sinh. Tham dục, đói khát (trở thành) nơi của tịch tĩnh. Nơi chốn, chi phần tùy thuận trọn đủ. Hầm hố hiện bày (trở thành nơi) dưỡng nuôi đầy đủ. An lành biến khắp, trí tuệ thông tỏ nơi chốn mạn dấy. Tịch tĩnh trùm khắp, gốc mọi lực dụng, là cõi trong lành, tịnh diệu cùng tận. Biết rõ cõi, loài, ngã mạn chẳng sinh. Tịch tĩnh tăng trưởng, nhiễm cấu đều dứt. Dẫn dạy, hóa độ theo đúng Thập thiện. Như cõi quỷ đói do tạo nghiệp dữ. Gốc thiện tài bồi, hành giải thêm rõ. Hình tướng bình đẳng, an trụ thấu đạt. Điên đảo, cấu uế hết chốn dựa nương. Thấu rõ, xa lìa si độn, chướng nhiễm. Nương tựa tu tập, hướng đạt tự tại. Thuận theo cội rễ chân thật biến chuyển. Sắc tướng thanh tịnh, căn bản thuận hợp. Ân dưỡng phát sinh hiển bày rộng khắp. Hành, giải, giáo hóa (là) ngọn nguồn ái lạc. Tham dục, điên đảo, tự tánh hiện bày. Tạo tác hý luận, dứt quả thù thắng. Trói buộc tăng thêm, hình tướng mất hết. Hình tướng chuyển đổi, rốt ráo đều dứt. Nuôi dưỡng ái lạc, tất nhiễm, hý luận. Phiền não, điên đảo làm tăng chướng nhiễm. Là xứ ồn tạp, chúng sinh chấp ngã. Tạo tác nghiệp nhân các mạn điên đảo. Vương hành khéo dạy hành giải gồm đủ. Tịch tĩnh an tịnh, hạnh nhiễm hiện bày. Phiền não dấy tràn, thảy nên xa lìa, cả nơi nhiễm buộc. Tuệ thông ba tánh, cùng ý hòa hợp. Dòng thác tạo tác, Tuệ nhiễm thêm tăng. Lực dụng biến khắp, tự tại đúng thực. Hành uẩn chuyển biến, đâu phải bất sinh. Thắng nghĩa dứt ác (là) thấu đạt bình đẳng. Dòng thác như thế (nên) tăng tu (để) xa lìa. Thấu đạt, hiện bày, tận cùng mọi ngã. Cõi ý nhiễm buộc, chân

thật dứt trừ. Thông tỏ Thập thiện, cứu cánh hiện bày. Hăm hở bố thí, thanh tịnh thêm tăng. Lực dụng thiền định (là) ngọn nguồn tịch mặc. Bố thí thích hợp, khổ độc đều dứt. Căn bản gánh vác, (là) diệt tận chướng, nhiễm. Diệu dụng giáo pháp thâm diệu, bất thoái. Tận cùng Thập thiện (là) dứt nghiệp súc sinh. Như nơi có vua là vị nữ nhân. Tu hạnh Thập thiện (đạt) thắng nghĩa chân thật. Chúng sinh cõi trời

tăng thêm sắc tướng. Căn bản giới luật (là) thanh tịnh chân thật. Ý diệu tu tập, thanh tịnh phát sinh. Cõi trời tu thí (đạt) ái lạc chân thật. Dẫn dắt chúng sinh thêm đạt trí tuệ. Cõi ý tu tập, thông tỏ dần tăng. Tâm thể thù thắng, năng lực trọn đủ. Xa lìa nữ nhân, thanh tịnh phát sinh. Thấu suốt nghĩa lợi, nhân thắng an lạc. Nhận thức tận cùng, lực dụng tăng trưởng. Thâm diệu, bất thoái, tùy thuận chẳng mất. Chi phần tự tánh (là) ngọn nguồn cội ý. Nghiệp thiện gọi mời, dốc tu chân thật. Xa lìa phóng dật, thanh tịnh hiện hành. Tướng thiện đạo hạnh (là) thân tâm hòa hợp. Chỉ dạy thù thắng, hướng đạt nghĩa lợi. Điên đảo, cấu nhiễm dục lạc khó tu. Tịch tĩnh tạo được, trong lành biến khắp. Nhớ nghĩ thiện chí, bất thoái phát sinh. Đức nghiệp bố thí, giới hạnh tăng trưởng. Thắng nghĩa tăng thêm, đức đạt rốt ráo. Thánh nhân thanh tịnh, hóa độ hòa hợp. Hình tướng viên tịnh, giải thoát thêm rõ. Lực dụng sắc thể, thù thắng chẳng mất, an trụ khế hợp. Tu tập như vậy, thuận hợp tận cùng. Lớp lớp lực dụng, đạo hạnh quán xuyến. Tu tập bình đẳng (là) cội rễ vô tướng. Tự tánh tịch tĩnh, tạo nhân chân thật. Đức hạnh có (thể) chuyển, hòa hợp, xa lìa. Hướng tiến theo Phật, ngọn nguồn (là) vô ngã. Hữu học thâm diệu (là) tăng trưởng tu nhân. Dòng thác ổn định, phiền não dấy khắp. Sắc thể gốc sinh, tâm cũng gốc khởi. Thông tỏ tướng không, hướng đạt (lẽ) vô, như. Tạo nghiệp tịch tĩnh (là) chỗ nương thắng nghĩa. Ngọn nguồn “bất sinh” hy vọng khó đạt. Nương tựa vô tướng (là) đúng nghĩa giải thoát. Tạo nhân “vô tác” (đạt) lực dụng thù thắng. Không thể hủy hoại. Hình tướng giáo hóa (là) thông tỏ, thuận hợp. Căn bản như thị, bất sinh rạng rỡ. Lực dụng bất thoái. Chân thật nương mạn, tịnh diệu ắt dừng. Thiền định hiện bày: cõi ý tịch tĩnh. Thấu đạt (các mối) sợ hãi, thế gian (có thể) dứt được. Hạnh nhẫn vô cùng thù thắng như vậy, (có thể diệt trừ) nhân gốc phiền não. Lực dụng thông tỏ, tự tánh hóa độ. Thấu đạt hình tướng, dưỡng nuôi ái lạc. Phước đức tự tánh, chuyển biến rốt ráo. Nơi chốn tận cùng thảy đều lìa bỏ (giải thoát). Hướng cầu hiện bày thắng nghĩa phước nghiệp. Dứt hành đảo điên, tu nhân gánh vác. Tự tánh thanh tịnh, xứ của tịch tĩnh. Phước nghiệp thành tựu, lìa dòng luân lưu. Dòng thác hiện bày, tạo tác cùng tận. Hòa hợp tiến tu, thanh tịnh viên mãn. Tác dụng (của) phiền não (làm) điên đảo sự thật. Lực dụng bố thí (đạt) trí tuệ khắp chốn. Chúng sinh phiền não, trí định chẳng sinh. Đức hạnh căn bản (là) lực dụng gánh vác. Tu tập nhớ nghĩ (đến) nghĩa lợi thế gian. Hành động bình đẳng, lực dụng cùng tận. Lực dụng hữu tình (là) bạo lực, đảo điên. Căn bản bố thí (đạt) hình tướng thù thắng. Tu hạnh từ, nhẫn (đạt) nghĩa lợi tịch tĩnh. Sám hối thanh tịnh, thông đạt giáo pháp. Thâm diệu giữ gìn, tóm kết trí tuệ. Tự tánh bình đẳng, quý chuộng dốc tu. Tự tánh trang nghiêm, lực dụng tịnh diệu. Giáo pháp tạo nhân vô cùng thù thắng. Giải thoát an tĩnh, lìa mọi đói khát. Thảy mọi tạo nghiệp, cũng đều dứt hết. Nơi chốn nhân nhiễm, kiêu, mạn đều diệt. Giáo pháp thanh tịnh, tạo nhân bình đẳng, là chốn vương giả hành hạnh bố thí. Phật quả tịnh diệu, mong cầu, bất thoái. Bậc Thiện nam tử dốc tu bố thí. Giáo hóa cõi trời, tu hạnh giải thoát, tịch tĩnh như vậy. Thù

thắng đúng phần, ái lạc cùng tận. Thù diệu chư Thiên tận cùng như thế. Chân thật phát khởi, tịch tĩnh dứt mạn. An tịnh thắng nghĩa (là) dứt bỏ hành tướng. Lực dụng vương giả, thanh tịnh như trời. Thông tỏ nơi chốn, gốc rễ tận cùng. Sắc tướng thanh tịnh, căn bản hiện rõ. Thấu rõ mười loại phiền não, hoạn nạn. Xứ sở chân thật, lực dụng khế hợp. Cõi tánh như lọng phủ che căn bản. Nơi chốn đầy những hầm hố, nghiệp dữ. Xa lìa hý luận, tu thí tự tại. Hướng tới tịnh diệu, khế hợp tăng trưởng. Tùy thuận biến chuyển. Lực dụng thông tỏ, thảy đều tinh tấn. Vô ngã, dứt nhiễm, tâm thể thanh tịnh. Căn bản lực dụng tạo tướng thù thắng. Dứt bỏ xa lìa hạnh tham cùng tận. Thực hiện tịch tĩnh, bạn lành thuận theo. Tự tánh thanh tịnh, dẫn dạy si, mạn. Vương giả dứt mọi cội rễ trói buộc, điên đảo nhiều kiếp. Hiện bày, thuận theo dứt mọi phiền não. Nhớ nghĩ hữu tình si

độn không ngớt. Tịch tĩnh chân thật phát sinh, biến khắp. Điên đảo cấu nhiễm vô biên như (cõi) không. Si mạn tạo tác biến chuyển không ngừng. Phiền não, nhiễm chướng tạo tác điên đảo. Giáo pháp thanh tịnh, tịch nhiên dứt hết (phiền não, chướng nhiễm). Tạo nghiệp chân thật trừ mọi đảo điên. Chi phần tham ái là thể căn bản. Dòng thác vọng nhiễm dấy tăng pháp nhiễm. Lực dụng tạo nghiệp (là) hình tướng nhiễm, chướng. Chấp ngã làm gốc. Thánh quả mới đoạn. Trí căn bản dứt (chấp ngã) ngộ lẽ tam thừa. Diệt sạch mọi hoặc, rốt ráo chẳng sinh, xa lìa tận cùng. Tịch tĩnh đúng thật, thuận hợp như (cõi) không. Tu học mở tâm, cõi ý tự tại, thân tướng viên mãn. Tánh bị che lấp, si độn trói buộc tạo hạnh cấu nhiễm. Chư Thiên dốc tu (đạt) tự tại như vậy. Phiền não buộc thể, nhiễm ấy làm tánh. Căn bản tuệ nhiễm, phát sinh chấp ngã. Phát sinh, hiện bày nhân tịnh (của) hữu tình. Như giáo lệnh vua, lực dụng vững chắc. Nương ở thanh tịnh, lìa mọi si mạn. Thế gian tu thiện tận cùng như thế. Thế nào là tự tánh thọ mạng an trụ, vật dụng chân thật? Nghĩa chân thật ấy (là) tánh không điên đảo. Kiêu mạn dứt hết, thanh tịnh tận cùng. Nhân tánh hành động, tạo ra thiện tịnh. Thế nào là tu tập bố thí thù thắng? Từ gốc ngã mạn, kiêu, dật phát sinh. Thắng nghĩa biến chuyển độc đáo hiện bày. Thông tỏ hướng đạt chân thật viên mãn. Cõi ý trang nghiêm. Vương giả lệnh mật. Tự tánh căn bản rốt ráo tận cùng. Tâm tịnh thù thắng, chân thật bố thí. Tu tập thanh tịnh (là) hình tướng tự tánh. Khắp chốn phát sinh lực dụng tu tập. Hành, giải gồm đủ, tu (hạnh) xuất thế gian. Thế nào là chi phần thanh tịnh hiện bày? Cội nguồn hữu vô thâm diệu như vậy. Chế độ vương giả thấu rõ muôn loài. Tịnh giới chứa nhóm, thảy đều phát sinh. Kiêu, mạn, bỉ thử, đích thực (là) sân hận. Hình tướng (bị) trói buộc (là) nơi chốn hý luận. Trời, người đủ sức phát sinh tu tập. Thể tánh tăng trưởng, tạo nghiệp lìa bỏ (phiền não, hý luận). Thông tỏ thù thắng, dứt bỏ tai nạn. Gốc buộc gồm đủ nhiễm vọng, si độn, hý luận (được) bình đẳng (thì) nhiễm, buộc (được) thông tỏ. Nhân thắng cõi trời (là) tịnh diệu đúng phần. Hành nhẫn tận cùng, Phật đã chỉ dạy. Tự tánh (bị) trói buộc (là) chướng của phiền não. (Như) vương xuất giáo lệnh, Thánh trí thông tỏ. Dốc tu như vậy tăng trưởng tận cùng. Gốc rễ các mạn (làm) tăng thêm điên đảo. Tánh của Như Lai chân thật, vô ngã. Cội nguồn tĩnh lặng, dứt hết nghiệp dữ. Tự tại sâu xa, lực dụng thuận hợp. Thể tánh tận trừ dòng thác phiền não. (Cũng như) thông tỏ tội lỗi nhiều đời (của) nữ nhân. Hình tướng tận cùng (là) thân tâm điên đảo. Chi phần ngã mạn (là) điên đảo (về) hữu, vô. Vâng theo lời Phật dốc lòng bố thí. Thắng nghĩa đến ấy

(là) chúng sinh dứt ác. Tự tánh lại thêm nhân thắng căn bản. Dứt nhiễm (của) chi ái, danh sắc hết nơi. Thâm diệu tịch tĩnh, tướng của trời, người. Diệt trừ si độn, mạn, nhiễm tà mị. Buộc ấy hằng dứt, thâm tâm an nhiên. Mười loại gốc nhiễm, bậc Thánh diệt sạch, là chốn trời, người dứt tận cấu nhiễm, sân hận chẳng sinh, tạo tác hiện bày. Nhân thắng tịch tĩnh (là) thông tỏ "vô úy". Vương giả thể hiện gánh vác cõi xa. Sắc tướng tự tại, đi đứng ung dung. Thể tánh thanh tịnh, tà ma thảy lìa. Thấu rõ nữ nhân (là) gốc ngăn nẻo thiện. Là chốn trời, người hợp phần chân thật. Sân hận không dấy, tạo tác tịch tĩnh. Hý luận dứt hết (là) tướng nhân thanh tịnh. Quốc vương gánh vác công việc trị dân. Chân lý hiện khắp, năm uẩn khế hợp. Xa lìa cấu nhiễm, tu tập tăng trưởng. Vận dụng căn bản, tự tại hiện bày. Theo nhân tự tại hình tướng chân thật. Không ngớt nghĩ nhớ lực dụng bỉ thử. Cội nguồn sợ hãi (là) thắng nghĩa mất ngôi. Phải nên dứt bỏ mọi gốc nghiệp dữ. Cấu nhiễm trùm khắp, tướng không bị hoại. Nhiều vua cùng hiện, phép tắc hiện bày. Như vậy là các cõi trời "tam tai" hãy còn. (Ở) trời Đệ tứ thiền ba

họa (lớn) mới dứt. Thấu rõ dòng thác, thiện tịnh sinh khởi. Các cõi (trong) tam giới: sân có một pháp, phẫn có bảy pháp, trung tùy hai pháp. Nơi cõi Dục giới, siểm, cuống hai pháp. Dưới cõi địa thứ nhì, căn bản chín pháp. Tiểu tùy có kiêu. Đại tùy tám pháp. Thông tỏ tận cùng, thấu suốt ba cõi. Chi phần dốc tu, tạo tác thanh tịnh. Lực dụng căn bản, mong dứt nghiệp dữ, là chốn Bồ-tát lực nhẫn viên mãn. Lực dụng thanh tịnh, chân thật hiện hành. Hành, giải gồm đủ, giáo hóa hòa hợp. Cội rễ si mạn (do) sắc tướng mong cầu. Giới pháp nêu rõ, tu tập viên mãn. Thanh tịnh sạch nhiễm, lực dụng nhân thắng. Bi nguyện tăng lên, ngã mạn thảy diệt. Hướng tới, thuận theo lời Như Lai dạy. Tự tánh phước đức (là) thanh tịnh thuận hợp. Hòa hợp tận cùng (là) thông tỏ phiền não. Cõi, loài thiện ác. Nhớ nghĩ bạn lành. Khổ não như vậy. Thắng tâm khó phát. Hành, giải thêm tăng. Trói buộc chuyển biến. Gốc sinh hữu tình (là) tham dục kiêu dật. Tạo nhân tịch tĩnh, tăng trưởng tự bày. Tâm thiện dứt trừ bao lớp phiền não. Nhiễm, ác chẳng sinh, tự tánh lìa bỏ. Nhân diệu thân tâm (là) năm uẩn sung mãn. Cội rễ thanh tịnh, tĩnh lặng thuận hợp. Tự tánh thanh tịnh, lực dụng chẳng mất. Dạy bảo chỉ rõ mong dứt nghiệp dữ. Sắc thân là (chỗ) nương, chúng sinh nhận nghiệp. (Bậc) hữu học tấn tu, nghiệp ấy cũng dứt. Cội rễ tự tánh (là) thân tâm tịch tĩnh. Giáo pháp thắng nghĩa tu hạnh vô ngã. Pháp lớn nghĩa lợi (là) thanh tịnh thù thắng. Lìa mọi buộc nhiễm, khế hợp thông tỏ. Tu thí đúng phần, (là) hóa độ muôn loài. Hình tướng thù thắng. Tịch tĩnh chân thật. Quả A-la-hán, dứt mọi tạo nghiệp. (Cùng) nơi chốn bỉ thử, sắc tướng tăng thêm. Hành, giải hướng đạt, tịch tĩnh cúng dường. Tướng thắng nghĩa ấy, cung kính viên mãn. Hành động dứt nhiễm, nghĩa lợi tận cùng. Tu chốn thanh tịnh, hành hạnh bố thí. Tự tánh bao la, nơi chốn cùng tận. Ba cội rễ nhiễm là tham, sân, si. Hóa khắp cõi, thanh tịnh tận cùng. Rõ mọi ưu khổ, hữu tình gắng tu. Không hạnh ô nhiễm, nhân của trời, người. Là chốn thù thắng, bố thí chân thực. Mẹ hiền như vậy, yêu mến dưỡng nuôi. Khắp mọi nơi chốn dốc lòng sám hối. Đức nghiệp chân thật, gánh vác viên mãn. Thuận theo tịch tĩnh như vật tỏa hương. Hình tướng tăng trưởng, hướng đạt cứu cánh. Lìa bỏ nhiễm, vọng, hành tướng lại thêm. Tự tại hướng đạt, dứt sạch cấu nhiễm. Gốc là vô ngã, tướng sinh đều dứt. Thấu đạt tịch tĩnh, diệt hết các mạn. Tánh phiền não ấy,

(và) điên đảo, si độn, gốc vốn biến chuyển. Chỉ hành bố thí, tự thể dấy tranh (hý luận). Tạo tác nghiệp dữ, thuận theo cấu nhiễm. Sắc tướng (bị) nhiễm buộc, mong đạt chân thật. Phiền não, hý luận cần thấu (rõ) hành tướng. Tu hành tự tại (dứt) vọng, nhiễm trói buộc. Gánh vác thuận hợp, mong dứt cấu nhiễm. Nơi chốn thanh tịnh, phiền não lặng dừng. Dòng thác dấy khởi, chuyển biến trùm khắp. Ở nơi cõi trời, nghĩa lợi đáng quý. Bồ-tát giáo hóa chỉ dạy thấu đạt. Bậc đại quốc vương, bố thí sinh mạng. Tu tập bất thoái. Tham ái lớn ấy trói buộc khó lìa. Lìa hạnh thanh tịnh, chế ngự thiếu lực. Tạo tác hướng cầu về lẽ vô hữu. Phát khởi tu hành. Cung kính chân thật, hạnh ấy dứt nhiễm. Tạo nhân căn bản, dốc tu (theo) Như Lai. Bỉ thử đúng phần, si độn tự dứt. An lạc, tịch mặc, tùy thuận, hiện hành. Cõi Phật chân thật, tịch tĩnh hiển hiện. Đức hạnh hòa hợp, nhiễm chướng đều dứt. Sám hối dốc lòng, nghiệp gốc không dấy. Tịnh nghiệp trong lành, hữu tình tu tập. Là cõi vương giả tịnh diệu tăng thêm. Căn bản thuận hợp, sửa trị đúng mức. Dốc tu hiện bày, hướng cầu tối thượng. Bố thí phát huy dứt sạch mọi nhiễm. Tùy thuận mong dứt tham dục, điên đảo. Tự tánh hiện bày, tạo tác nhân gốc. Nghĩa lợi nhiễm, tranh, gồm đủ tai nạn. Dứt bỏ vọng nhiễm, chấp ngã chẳng sinh. Thâm diệu tối thượng hợp nhất, phát huy. Thảy đều tu thí, cội rễ chân thật. Tạo tác, trói che, căn bản nhiễm buộc. Khuyên dạy, chỉ rõ, thanh tịnh là gốc, yên tĩnh trong lành, tâm đạt an lạc. Phiền não vô bờ, khổ sở vô tận. Là chốn si, mạn, Bồ-tát hành hóa. Thông tỏ tận cùng cái hại (của) nhân nhiễm. Hành theo thiện tịnh, khỏi nghiệp ba đường (dữ). Tùy

thuận chân thật, hướng đạt chánh pháp. Tâm bị nhiễm ác, hành tướng không dừng. Là chốn vương giả thông thạo trị nước. Căn bản vô tướng, giảng dạy như vậy. Hướng cầu chân thật, cõi ý hiện bày. Ngã kiến trùm khắp, tuệ giác năng dứt, mong đạt đúng phần. Bồ-tát chân lý, trí tuệ vô tận. Tự tánh dốc tu, lớp lớp chân thật. Nghĩa lợi như vậy, theo lời Phật dạy, là chốn chân thật, thấu rõ bình đẳng. Ngọn nguồn cõi ý thanh tịnh tột bậc. Xa lìa trói buộc, hành động chuyển biến. Gốc điên đảo ấy, nghiệp dữ, cấu nhiễm. Buộc che tăng dấy, tu hành dứt trừ. Thực hiện gồm đủ, thân tướng viên mãn. Thuận theo tâm tịnh, thông tỏ khắp chốn. Bóng hình bỉ thử đều có. Thanh tịnh thuận hòa, tâm ấy chân thật. Đói khát, hủy hoại hòa hợp khổ não. Các pháp si, mạn thuận hợp hiện bày. Pháp nhiễm điên đảo bao trùm như (cõi) không. Bi nguyện vĩ đại, thanh tịnh lìa bỏ (điên đảo, si mạn...) trói buộc lực mạnh (làm) điên đảo tự tánh. Phiền não tạo nghiệp lớp lớp tận cùng. Sân hận như lửa đốt bùng hý luận. Thắng nghĩa tạo lực dứt trừ phiền não. Hình tướng, nơi chốn ung dung cùng tận. Căn bản đúng phần hủy giảm chấp ngã. Lực dụng tịch tĩnh, thanh, tướng viên mãn. Tự tánh rạng rỡ (là) hình tướng căn bản. Hóa độ rộng khắp, lực dụng mong đạt. Theo nhân bình đẳng vọng tưởng đều diệt. Gốc vốn tịch tĩnh. Vương giả trí giải, tăng trưởng gắng đạt. Tự tánh thông tỏ, chân thật hơn hẳn. Trí lực trùm khắp, chuyển biến mọi nơi. Hình tướng “vô úy” thấu tỏ kiêu dật. Phiền não dấy tăng, thanh tịnh dứt trừ. Tịch tĩnh thù thắng, gánh vác tất cả. Bậc Thánh thâm diệu, thanh tịnh, bình đẳng. Nhiễm vọng đều diệt, hý luận sao (lại) không? Cội rễ tận cùng trói buộc như thế, phiền não nhân nhiễm, tĩnh lặng diệt sạch. Thanh tịnh như vậy, sắc tướng tăng tiến. Tự tánh vận động, chân thật hiện bày. Sắc tướng thanh tịnh, dung mạo chuyển đổi. Quả vị La-hán diệt hết chấp ngã. Pháp tịch mặc ấy hiện hành, lành thay: diệt cội rễ nhiễm, là chốn thanh tịnh. Điều phục chúng sinh, phải nương

thiện giáo. Tánh ngã tận cùng, mạn lấp tự tại. Gốc bị đảo điên, do không bố thí. Thâm diệu viên mãn, sắc tướng hợp ý. Chân thật như thế, dứt hết vọng nhiễm. Thế nào là mẫu mực tâm thiện như cõi không? Như vương tịch tĩnh bao trùm khắp cõi. Sinh tử, nghiệp dữ, phiền não hiện hành. Tu tập thực hiện mong đạt tịch tĩnh. Đúng phần rộng khắp, dốc tu tận cùng. Hình tướng các pháp, sắc tướng là gốc. Thắng nghĩa thuận hợp mong cầu hiện bày. Thuận theo khổ não, dứt nhân an lạc. Chịu quả báo dài trong các cõi ác. Kiêu, dật vô cùng, năng diệt sắc tướng. Vương giả tạo nhân, nhận báo chư Thiên. Tất cả tướng sinh ngã là gốc rễ. Tạo tác thanh tịnh, dứt sạch si độn. Tội lỗi phát khởi điên đảo, vô thường. Khổ não, hý luận tất cả cùng dấy. Tự tánh sinh khởi, kính mộ đúng phần. Tâm của các loài chuyển biến, lìa bỏ. (Hý luận, điên đảo...) gắn với tâm ấy là bậc xuất gia. Dốc diệt chấp ngã (là) hạnh nguyện căn bản. Thế nào là kiêu mạn hý luận vô tận? Tự tánh căn bản hướng đạt thanh tịnh. Tịch tĩnh như vậy, thuận theo bình đẳng. Hành, giải gồm đủ, cõi học viên mãn. Địa ngục vô gián xử tội đúng kiếp. Khổ sở không dứt, biết lúc nào rời? Trời kia thanh tịnh, thượng diệu, chân thật. Sắc tướng trùm khắp, phước đức vô tận. Đức hạnh tăng trưởng viên mãn tận cùng. Xứ sở thù thắng, hạnh nhẫn tu tập. Bố thí hết mực, mong đạt nghĩa lợi. Thù thắng, sung túc, dốc tu hạnh Thí ba-la-mật. Thế nào là gốc rễ tham cầu bất biến? Thắng nghĩa như vậy tu tập hướng đạt. Ý tu bố thí theo mười nghiệp thiện. Bồ-tát hành thí, Tôn giả Trang Nghiêm hộ quốc bản sinh nghĩa thứ hai mươi tám. Tà kiến không nhiễm, lực dụng thắng nghĩa thực hiện. Cõi học vốn không, thuận theo chánh kiến xa lìa che buộc. Đó là tùy thuận thấu đạt chân thật lời dạy Bồ-tát.

Thế nào là hình tướng tận cùng của phước đức? Không có chân thật, (mọi) gánh vác (chỉ là) điên đảo. Giữ giới thanh tịnh, phước báo (theo) nghiệp tu. Các bậc phạm hạnh thông tỏ vô ngã. Gốc điên đảo ấy, hình tướng hiện rõ. Bố thí rộng khắp, thiền định trọn nên. Phạm hạnh an lạc, nghĩa lợi tăng trưởng. Thông tỏ tịnh diệu, bi nguyện viên mãn. Cõi ý phát khởi tu hạnh tế độ. Nơi chốn thuận hợp, an lạc hòa khắp. Phóng dật vô độ, hành nhiễm trói buộc. Thiền định an lạc, thế gian khó tạo. Sắc tướng chân thật, thuận hợp không mất. Tạo tác nhân diệu, nương tựa thù thắng. Tu tập hướng đạt, lắng nghe, suy xét. Thương dẫn rộng khắp, ngã chấp đâu còn. Tịch tĩnh tận cùng xua tan khổ não. Si độn dấy bày, bất an không dứt. Dục giới tham sân, pháp nhiễm tăng trưởng. Tạo nhân căn bản gốc đạt mười loại. Vương giả Thánh ý, (là) cội rễ bạn lành. Cõi ý viên mãn, nhân khởi tận cùng, dứt nghiệp phiền não. Kẻ theo tà kiến, tạo gốc điên đảo. Chấp ngã là gốc tận cùng (của) thế gian. Tạo tác thanh tịnh, nghiệp thiện tăng thêm. Bờ giác phát tâm (đạt đến) phước báo như vậy. Các pháp thiền định, lực dụng cứu cánh (là) tịch tĩnh thù thắng. Căn bản giữ giới, tăng thêm bố thí. Tu tướng thắng nghĩa, dứt mọi đói khát. Cấu nhiễm hết mực (là) quên mất ân thầy. Mê lầm không rõ, Bậc Vô Thượng Đẳng Giác, Chánh pháp thanh tịnh, tạo nhân viên mãn, tâm vốn chân thật thắng nghĩa. Thế nào là tịch tĩnh? Hình tướng chánh nghĩa, xứ sở không tà. Lực dụng tịch tĩnh, cứu cánh (của) nhiều loài. Thanh tịnh viên mãn (là) an lạc tận cùng. Nghiệp dụng tịnh diệu, an lạc hiển hiện. Lực dụng nổi bật, hướng đạt tối thượng. Chân thật tăng trưởng, thuận hợp hiện bày. Nơi ấy thanh tịnh, thấu đạt (mọi) sợ hãi. Dứt bỏ hành ác, điều phục phiền não. Cõi trời bình đẳng là chốn rộng lớn. Nhận thức, năng lực đều đạt chân thật. Chẳng

hướng cầu tâm, phiền, mạn, vọng dấy, Thế nào là không tạo nhân nghĩa lợi thế gian? Hành động sinh theo chủ thể bị buộc. Nơi chốn thông tỏ, thảy đều dứt mạn. Dưỡng nuôi si, mạn, quấy nhiễu càng tăng. Phạm thế bình đẳng. Là cõi có vua, phước đức trang nghiêm. Ví như đống lửa cháy sáng rực rỡ. Lực dụng (của) nhân gốc, chuyển biến tự tại, mạn (cũng) không buộc được. Thế nào là các chúng thanh tịnh vô biên? Dòng thác phiền não biến chuyển tùy tiện. Các mạn sinh tướng dấy thêm, lan rộng. Gốc diệu tịch tĩnh, nhận rõ lìa bỏ (mạn, phiền não). Tướng điên đảo sinh, lây lan khắp cõi. (Từ) xứ sở các mạn hý luận phát sinh. Ngôn ngữ dạy trao, hành động trừ diệt. Chứa nhóm chân thật viên mãn tận cùng. Ngôn ngữ sinh khởi, cứu cánh thêm tỏ. Nhân nhiễm nghiệp dữ, phiền não buộc gốc. Tướng quang minh, danh hiệu Lô-xá-na. Lời Bồ-tát dạy: Ba nghiệp thù thắng, hữu tình (đạt) tịch tĩnh. Dứt hết đói khổ, giới mốc mênh mông. Tâm đầy tham sân, bình đẳng vắng bóng. Chúng sinh (cõi) Phạm thế, ở cõi Tứ thiền, vọng tưởng hướng cầu chư Thiên chưa dứt. Ngôn ngữ ở đấy, bình đẳng tự tại. Vương giả cõi ấy thù thắng, ái lạc. Giới mốc bao la, hợp nhất tu tập. Nơi chốn hợp phần, nhân hành phát khởi. Cõi ý phong phú, dứt sạch nhiễm tranh. Sắc tướng thêm tỏ, ngôn ngữ tịch tĩnh. Tự tánh thành tựu, nhận ra si mạn. Điên đảo cấu nhiễm (như) độc dược khó trừ. Tự tánh tĩnh lặng mong dứt ngã mạn. Phiền não, nhiễm độc, gốc từ chấp ngã. Thế nào là mắt hướng về phía trước? Lời Bồ-tát dạy: Sắc tướng nhiễm buộc, ngăn cản tịnh giới. Gốc tu ngã tướng, chân thật (bị) buộc, che, thanh tịnh đâu còn. Hành động chấp ngã (do) gốc tự tánh mất. Vương hành thiện giáo, phước quả, thành tựu, giáo lệnh phát khởi.

Thế nào là hạnh bố thí mong đạt chân thật, ngôn ngữ phạm hạnh viên mãn, ở thế gian giảng dạy thanh tịnh, như bậc đại vương giáo hóa thắng nghĩa nơi thế gian? Thế nào là ngọn nguồn lại thêm tăng trưởng cùng tận? Như lời Phật dạy. Hình tướng thượng diệu như (vị) đại quốc vương thi ân khắp cõi, ngôn ngữ sửa trị đất nước. Mười loại việc thiện, sắc tướng chuyển biến. Tịch tĩnh viên mãn thù thắng vô tận. Như trăng sáng hiện, đám sao nhỏ (bị) mờ. Thánh trí phát khởi, cấu nhiễm tự diệt. Chướng ngại chẳng sinh, thế gian viên mãn. Đầy đủ như vậy. Nhân thắng hướng đạt, thông tỏ nơi sinh. Bình đẳng tận cùng (là) thiền định hòa hợp. Chi phần, bỉ thử chuyển biến viên mãn.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.